|  |  |
| --- | --- |
|  | BM01-QT42/CĐYT |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /KH-CĐYT Hà Nội, ngày tháng năm 202…

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ NHÀ GIÁO**

**THEO CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NĂM HỌC ………**

Căn cứ Thông Tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ LĐTBXH về việc quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nha giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CĐYT ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-CĐYT ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ;

Trường Cao đăng Y tế Hà Đông lập kế hoạch đánh giá nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ năm học ………… như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU – THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ NHÀ GIÁO

**1. Mục đích**

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Lao động TB&XH ban hành, phản ánh đúng năng lực dạy học và giáo dục của nhà giáo được thực hiện định kỳ theo năm học.

- Giúp cho nhà giáo tự đánh giá đúng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để chủ động lập kế hoạch tự bồi dưỡng hoặc tham dự các lớp đào tạo đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn theo qui định.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý viên chức trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhà giáo để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

**2. Yêu cầu**

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo tính trung thực, khách quan, toàn diện, khoa học, dân chủ và công bằng.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ tiến hành cụ thể, chi tiết theo đúng qui định.

- Kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ phải gắn với việc bố trí, sử dụng nhà giáo phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu về vị trí việc làm.

**3. Thành phần đánh giá**

**-** Bao gồm các nhà giáo trong biên chế, hợp đồng, kiêm nhiệm, thỉnh giảng của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông đã tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

- Những giảng viên không tham gia giảng dạy trong năm học 2019 – 2020 thì không đánh giá.

**II. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian | Nội dung | Thực hiện | Yêu cầu |
|  |  | Bộ môn thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo cấp bộ môn năm học ………… | Các bộ môn | Các BM nộp danh sách HĐ đánh giá cấp bộ môn về Phòng Thanh tra – ĐBCLGD. Hạn cuối ………. |
|  |  | Nhà giáo tự đánh giá, xếp loại (theo mẫu Phụ lục 01A) | Nhà giáo | Nhà giáo nộp Phiếu đánh giá mẫu 01A về HĐ đánh giá cấp bộ môn trước ngày …………. |
|  |  | Bộ môn tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu 01B); tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của tổ, bộ môn (theo mẫu 02) | Bộ môn | Nộp phiếu tự đánh giá mẫu 1A; phiếu đánh giá của Bộ môn mẫu 1B và bản tổng hợp mẫu 02 về Phòng Thanh tra – ĐBCLGD.  Hạn cuối ………… |
|  |  | Tổ chức xét và công nhận kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Hội đồng cấp bộ môn báo cáo (mẫu 03) | HĐ đánh giá cấp trường | Phòng Thanh tra-ĐBCLGD hoàn thiện bản tổng hợp đánh giá nhà giáo mẫu 03 |
|  |  | Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học (theo mẫu 04). | Phòng Thanh tra-ĐBCLGD | Phòng Thanh tra-ĐBCLGD tổng hợp báo cáo theo mẫu 04 trình Hiệu trưởng ban hành. |
|  |  | Gửi báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Phòng Thanh tra-ĐBCLGD | Phòng Thanh tra-ĐBCLGD gửi báo cáo (mẫu 04) và bản tổng hợp (mẫu 03) tới Phòng Tổ chức cán bộ để có kế hoạch bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhà giáo. |

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. HĐ đánh giá, xếp loại cấp bộ môn:**

Chủ động xây dựng kế hoạch và đôn đốc thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm ở cấp bộ môn theo đúng Hướng dẫn và quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan và chính xác.

Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm về Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm của trường thông qua phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng mẫu biểu và thời gian quy định.

**2. HĐ đánh giá, xếp loại cấp trường:**

Tổ chức xét và công nhận kết quả đánh giá,xếp loại nhà giáo hàng năm do Hội đồng cấp bộ môn báo cáo lên, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác.

**3. Phòng Thanh tra - ĐBCLGD**: Soạn thảo, trình phê duyệt ban hành các quyết định thành lập hội đồng các cấp; ban hành các biểu mẫu đánh giá, mẫu biên bản, mẫu báo cáo… thống nhất dùng chung cho hội đồng đánh giá các cấp trong trường. Thường trực và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại nhà giáo

**4**. **Phòng Tổ chức cán bộ**: Lưu trữ hồ sơ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhà giáo hàng năm của các bộ môn.

**5. Các Bộ môn:** Căn cứ Hướng dẫn, Kế hoạch đánh giá, xếp loại nhà giáo, các Bộ môn có trách nhiệm phổ biến tới toàn thể nhà giáo do Bộ môn quản lý chuyên môn và chủ động tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng trình tự, nội dung, thời gian quy định.

Trên đây là Kế hoạch đánh giá nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ năm học …………. Các Phòng/ Bộ môn và các đơn vị liên quan căn cứ kế hoạch triển khai.

**Ghi chú**: Quy định đánh giá nhà giáo, các biểu mẫu liên quan đều được đăng trên website nhà trường tại chuyên mục Thanh tra ĐBCLGD-Chuyên mục TĐ-Thông tin y học [*http://www.cdythadong.edu.vn/dam-bao-clgd-chuyen-muc-thi-dua-thong-tin-y-hoc.html*](http://www.cdythadong.edu.vn/dam-bao-clgd-chuyen-muc-thi-dua-thong-tin-y-hoc.html)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận  - BGH: (để b/c);  - HĐ đánh giá, xếp loại nhà giáo cấp trường (để t/h);  - Các bộ môn (để t/h);  - Lưu VT, P.TT- ĐBCLGD. | **HIỆU TRƯỞNG**  **NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | BM02/QT42- CĐYT |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Số: /QĐ-CĐYT Hà Nội, ngày tháng năm 20…..

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG** Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Xét đề nghị của Phó trưởng Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều l.** Thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký Hội đồng và các ủy viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo cấp Trường có nhiệm vụ triển khai đánh giá, xếp loại nhà giáo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm:

* Tổ chức xét và công nhận kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Hội đồng cấp bộ môn báo cáo lên, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác.
* Thông qua báo cáo đánh giá xếp loại nhà giáo hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Như điều 4  - Lưu: VT, Thanh tra & ĐBCLGD | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Đăng Trường** |

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**NHÀ GIÁO CẤP TRƯỜNG**

*(Kèm theo quyết định số: /CĐYT ngày tháng năm )*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | Nhiệm vụ |
|  |  |  | Chủ tịch |
|  |  |  | Phó chủ tịch |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Thư ký Hội đồng |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |
|  |  |  | Ủy viên |

*(Danh sách gồm có …. người)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | BM03/QT42- CĐYT |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /QĐ-CĐYT Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cấp bộ môn - Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG** Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Kế hoạch số ………/KH-CĐYT ngày ……. tháng …… năm 20…. về kế hoạch đánh giá nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm học 20… – 20…..;

Xét đề nghị của Phó trưởng Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều l.** Thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cấp bộ môn - Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo cấp bộ môn có nhiệm vụ triển khai đánh giá, xếp loại nhà giáo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm:

* Tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm ở cấp bộ môn đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác.
* Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm về Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm của Trường thông qua phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Như điều 4;  - Lưu: VT, Thanh tra & ĐBCLGD. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Đăng Trường** |

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**NHÀ GIÁO CẤP BỘ MÔN**

*(Kèm theo quyết định số: /CĐYT ngày tháng năm )*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | Nhiệm vụ trong HĐ đánh giá nhà giáo cấp bộ môn |
| **Bộ môn Điều dưỡng** | | | |
| 1 |  |  | Chủ tịch |
| 2 |  |  | Thư ký |
| 3 |  |  | Ủy viên |
| **Bộ môn Bào chế - CN dược** | | | |
| 1 |  |  | Chủ tịch |
| 2 |  |  | Ủy viên |
| 3 |  |  | Thư ký |
| **Bộ môn Lâm sàng** | | | |
| 1 |  |  | Chủ tịch |
| 2 |  |  | Thư ký |
| 3 |  |  | Ủy viên |
| **Bộ môn ……………….** | | | |
| 1 |  |  | Chủ tịch |
| 2 |  |  | Thư ký |
| 3 |  |  | Ủy viên |

*(Danh sách gồm có ………… người)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | BM04/QT42- CĐYT | | | | |
| **PHỤ LỤC SỐ 1A. QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ** | | | | |
| *(Kèm theo Quyết định ……/QĐ-CĐYT ngày …… tháng….. năm ……* | | | | |
| *của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)* | | | | |
|  | |  |  |  |
| Họ tên giảng viên: ……………………………………………………… | | | |  |
| Bộ môn: ………………………………..………..……………………… | | | |  |
| **CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ** | | **Điểm đánh giá** | **Điểm đánh giá tối đa** | **Điểm cá nhân tự đánh giá** |
| **TIÊU CHÍ 1: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN** | |  | **16-20** |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Trình độ chuyên môn** | |  |  |  |
| ***A. Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết*** | |  | **8,0** |  |
| 1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Có | | 2,0 |
| - Không có | | 0,0 |
| 2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ KHKT,Công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu. | | 0,0 |
| ***B. Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành*** | |  | **8,0** |  |
| 1. Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. | |  | 2,0 |  |
| - Có | | 2,0 |
| - Không có | | 0,0 |
| 2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | 0,0 |
| 3.Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | 2,0 |
| - Được đánh giá Đạt yêu cầu | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 4. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Đạt yêu cầu | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| ***C. Đối với nhà giáo giảng dạy tích hợp*** | |  | **12,0** |  |
| 1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong | |  | 2,0 |  |
| Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. | |  |
| - Có | | 2,0 |
| - Không có | | 0,0 |
| 2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | 0,0 |
| 3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | 0,0 |
| 4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ KHKT-CN mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 6. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ liên quan tới ngành, nghề được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Đạt yêu cầu | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 2. Trình độ ngoại ngữ** | |  | **4,0** |  |
| 1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương trở lên. | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | 0,0 |
| 2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy . | |  | 2,0 |  |
| - Có sử dụng | | 2,0 |
| - Không sử dụng | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3. Trình độ tin học** | |  | **4,0** |  |
| 1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương trở lên. | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | 0,0 |
| 2.Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng , tài liệu giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao | | 2,0 |
| - Có sử dụng | | 1,0 |
| - Không sử dụng | | 0,0 |
| **TIÊU CHÍ 2: NĂNG LỰC SƯ PHẠM** | |  | **52,0** |  |
| **Tiêu chuẩn 1. Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy** | |  | **4,0** |  |
| 1. Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm. | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | 0,0 |
| 2.Thời gian tham gia giảng ít nhất 12 tháng | | 2,0 | 2,0 |  |
|
| **Tiêu chuẩn 2. Chuẩn bị hoạt động giảng dạy** | |  | **12,0** |  |
| 1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học | |  | 2,0 |  |
| - Lập kế hoạch đầy đủ | | 2,0 |
| - Có lập kế hoạch nhưng chưa đầy đủ | | 1,0 |
| - Không lập kế hoạch | | 0,0 |
| 2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học | |  | 2,0 |  |
| - Soạn giáo án đầy đủ, đúng quy định | | 2,0 |
| - Soạn giáo án nhưng chưa đầy đủ và kịp thời | | 1,0 |
| - Soạn giáo án không đúng quy định | | 0,0 |
| 3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá phù hợp từ 75% - 100% | | 2,0 |
| - Được đánh giá phù hợp từ 50% - < 75% | | 1,0 |
| - Được đánh giá phù hợp <50% | | 0,0 |
| 4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học | |  | 2,0 |  |
| - Chuẩn bị đầy đủ | | 2,0 |
| - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ | | 1,0 |
| - Không chuẩn bị | | 0,0 |
| 5. Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết | |  | 2,0 |  |
| - Chuẩn bị đầy đủ | | 2,0 |
| - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ | | 1,0 |
| - Không chuẩn bị | | 0,0 |
| 6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy. | |  | 2,0 |  |
| - Chủ trì thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. | | 2,0 |
| - Tham gia bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3. Thực hiện hoạt động giảng dạy** | |  | **8,0** |  |
| 1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 2.Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành,tích hợp theo quy định | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học** | |  | **4,0** |  |
| 1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy | |  | 2,0 |  |
| - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá tốt kết quả học tập của người học | | 2,0 |
| - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá ở mức khá, trung bình kết quả học tập của người học | | 1,0 |
| - Lựa chọn và thiết kế không phù hợp | | 0,0 |
| 2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là khá, tốt. | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 5. Quản lý hồ sơ dạy học** | |  | **4,0** |  |
| **1.** Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học. | |  | 2,0 |  |
| - Thực hiện đúng và đầy đủ | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | 0,0 |
| **2.** Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định. | |  | 2,0 |  |
| - Thực hiện đúng và đầy đủ | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 6. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy** | |  | **4,0** |  |
| 1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành. | |  | 2,0 |  |
| - Đạt yêu cầu | | 2,0 |
| - Không đạt yêu cầu | | 0,0 |
| 2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp. | |  | 2,0 |  |
| - Chủ trì | | 2,0 |
| - Tham gia | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 7: Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục** | |  | **8,0** |  |
| 1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác | |  | 2,0 |  |
| - Xây dựng kế hoạch đầy đủ | | 2,0 |
| - Có xây dựng kế hoạch | | 1,0 |
| - Không xây dựng kế hoạch | | 0,0 |
| 2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng | |  | 2,0 |  |
| - Có thực hiện và đạt hiệu quả | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | 0,0 |
| 3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học | |  | 2,0 |  |
| - Vận dụng hiệu quả | | 2,0 |
| - Có vận dụng | | 1,0 |
| - Không vận dụng | | 0,0 |
| 4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục | |  | 2,0 |  |
| - Có đánh giá chính xác | | 2,0 |
| - Có đánh giá c | | 1,0 |
| - Không đánh giá | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 8: Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập** | |  | **4,0** |  |
| **1.** Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học. | |  | 2,0 |  |
| - Quản lý tốt | | 2,0 |
| - Có quản lý | | 1,0 |
| - Không quản lý | | 0,0 |
| **2.** Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. | |  | 2,0 |  |
| - Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. | | 2,0 |
| - Có xây dựng | | 1,0 |
| - Không xây dựng | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 9: Hoạt động xã hội** | |  | **4,0** |  |
| **1.** Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng động viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. | |  | 2,0 |  |
| - Phối hợp tốt | | 2,0 |
| - Có phối hợp | | 1,0 |
| - Không phối hợp | | 0,0 |
| **2.** Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động GDNN với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động GDNN, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội. | |  | 2,0 |  |
| - Tích cực tham gia | | 2,0 |
| - Có tham gia | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **TIÊU CHÍ 3: NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** | |  | **16,0** |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Học tập, bồi dưỡng nâng cao** | |  | **8,0** |  |
| 1.Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn | |  | 2,0 |  |
| - Tham gia đầy đủ các nội dung | | 2,0 |
| - Tham gia nhưng không đầy đủ | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| 2. Tham gia hội giảng các cấp | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | 2,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **3.** Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | |  | 2,0 |  |
| - Thường xuyên tham gia | | 2,0 |
| - Có tham gia | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **4.** Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp. | |  | 2,0 |  |
| - Thường xuyên tham gia | | 2,0 |
| - Có tham gia | | 1,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học** | |  | **4,0** |  |
| **1.** Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp. | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | 2,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **2.** Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp. | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | 2,0 |
| - Không tham gia | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu khoa học** | |  | **4,0** |  |
| 1.Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ | |  | 2,0 |  |
| - Có kiến thức | | 2,0 |
| - Không có kiến thức | | 0,0 |
| 2.Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học | |  | 2,0 |  |
| - Hoàn thành từ 50% đến 100% định mức công việc NCKH | | 2,0 |
| - Hoàn thành dưới 50% định mức công việc NCKH | | 1,0 |
| - Không hoàn thành. | | 0,0 |
| **Tổng số điểm đánh giá tối đa:** | |  |  | 0 |
| **- Nhà giáo dạy lý thuyết** | | **84** |
| **- Nhà giáo dạy thực hành** | | **84** |
| **- Nhà giáo dạy tích hợp** | | **88** |
|  | |  |  |  |
| **Điểm quy đổi = Điểm đánh giá/điểm tối đa \*100** | |  |  |  |
|  | |  |  |  |
| **Điểm quy đổi =** | | ***Người đánh giá*** | | |
|  | |  | (Kí và ghi rõ họ tên) |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | BM05/QT42- CĐYT | | | | | |
| **PHỤ LỤC SỐ 1B. QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ** | | | | | | |
| *(Kèm theo Quyết định 53/QĐ-CĐYT ngày tháng năm* | | | | | | |
| *của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)* | | | | | | |
|  | | | |  |  |  |
| Bộ môn: ………………………………..………..……………………… | | | | | |  |
| Họ tên giảng viên được Bộ môn đánh giá : …………………………………………… | | | | | | |
| **CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ SỐ** | | | | **Điểm đánh giá** | **Điểm đánh giá tối đa** | **Điểm Bộ môn đánh giá** |
| **TIÊU CHÍ 1: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN** | | | |  | **16-20** |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Trình độ chuyên môn** | | | |  |  |  |
| ***A. Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết*** | | | |  | **8,0** |  |
| 1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Có | | | | 2,0 |
| - Không có | | | | 0,0 |
| 2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ KHKT,Công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là không đạt yêu cầu. | | | | 0,0 |
| ***B. Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành*** | | | |  | **8,0** |  |
| 1. Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có | | | | 2,0 |
| - Không có | | | | 0,0 |
| 2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | | | 0,0 |
| 3.Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá Đạt yêu cầu | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 4. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Đạt yêu cầu | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| ***C. Đối với nhà giáo giảng dạy tích hợp*** | | | |  | **12,0** |  |
| 1. Có văn bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong | | | |  | 2,0 |  |
| Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017. | | | |  |
| - Có | | | | 2,0 |
| - Không có | | | | 0,0 |
| 2. Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | | | 0,0 |
| 3. Có kiến thức về ngành, nghề liên quan | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu. | | | | 0,0 |
| 4. Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ KHKT-CN mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình. | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 6. Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ liên quan tới ngành, nghề được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Đạt yêu cầu | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 2. Trình độ ngoại ngữ** | | | |  | **4,0** |  |
| 1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương trở lên. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | | | 0,0 |
| 2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy . | | | |  | 2,0 |  |
| - Có sử dụng | | | | 2,0 |
| - Không sử dụng | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3. Trình độ tin học** | | | |  | **4,0** |  |
| 1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương trở lên. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | | | 0,0 |
| 2.Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng , tài liệu giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao | | | | 2,0 |
| - Có sử dụng | | | | 1,0 |
| - Không sử dụng | | | | 0,0 |
| **TIÊU CHÍ 2: NĂNG LỰC SƯ PHẠM** | | | |  | **52,0** |  |
| **Tiêu chuẩn 1. Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy** | | | |  | **4,0** |  |
| 1. Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có chứng chỉ | | | | 2,0 |
| - Không có chứng chỉ | | | | 0,0 |
| 2.Thời gian tham gia giảng ít nhất 12 tháng | | | | 2,0 | 2,0 |  |
|
| **Tiêu chuẩn 2. Chuẩn bị hoạt động giảng dạy** | | | |  | **12,0** |  |
| 1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học | | | |  | 2,0 |  |
| - Lập kế hoạch đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có lập kế hoạch nhưng chưa đầy đủ | | | | 1,0 |
| - Không lập kế hoạch | | | | 0,0 |
| 2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học | | | |  | 2,0 |  |
| - Soạn giáo án đầy đủ, đúng quy định | | | | 2,0 |
| - Soạn giáo án nhưng chưa đầy đủ và kịp thời | | | | 1,0 |
| - Soạn giáo án không đúng quy định | | | | 0,0 |
| 3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá phù hợp từ 75% - 100% | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá phù hợp từ 50% - < 75% | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá phù hợp <50% | | | | 0,0 |
| 4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học | | | |  | 2,0 |  |
| - Chuẩn bị đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ | | | | 1,0 |
| - Không chuẩn bị | | | | 0,0 |
| 5. Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết | | | |  | 2,0 |  |
| - Chuẩn bị đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ | | | | 1,0 |
| - Không chuẩn bị | | | | 0,0 |
| 6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy. | | | |  | 2,0 |  |
| - Chủ trì thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. | | | | 2,0 |
| - Tham gia bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp. | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3. Thực hiện hoạt động giảng dạy** | | | |  | **8,0** |  |
| 1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 2.Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành,tích hợp theo quy định | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là Tốt, Khá. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học** | | | |  | **4,0** |  |
| 1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy | | | |  | 2,0 |  |
| - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá tốt kết quả học tập của người học | | | | 2,0 |
| - Lựa chọn và thiết kế phù hợp, đánh giá ở mức khá, trung bình kết quả học tập của người học | | | | 1,0 |
| - Lựa chọn và thiết kế không phù hợp | | | | 0,0 |
| 2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học | | | |  | 2,0 |  |
| - Được đánh giá là khá, tốt. | | | | 2,0 |
| - Được đánh giá là Trung bình | | | | 1,0 |
| - Được đánh giá là Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 5. Quản lý hồ sơ dạy học** | | | |  | **4,0** |  |
| **1.** Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học. | | | |  | 2,0 |  |
| - Thực hiện đúng và đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | | | 0,0 |
| **2.** Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định. | | | |  | 2,0 |  |
| - Thực hiện đúng và đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 6. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy** | | | |  | **4,0** |  |
| 1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành. | | | |  | 2,0 |  |
| - Đạt yêu cầu | | | | 2,0 |
| - Không đạt yêu cầu | | | | 0,0 |
| 2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Chủ trì | | | | 2,0 |
| - Tham gia | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 7: Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục** | | | |  | **8,0** |  |
| 1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác | | | |  | 2,0 |  |
| - Xây dựng kế hoạch đầy đủ | | | | 2,0 |
| - Có xây dựng kế hoạch | | | | 1,0 |
| - Không xây dựng kế hoạch | | | | 0,0 |
| 2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng | | | |  | 2,0 |  |
| - Có thực hiện và đạt hiệu quả | | | | 2,0 |
| - Có thực hiện | | | | 1,0 |
| - Không thực hiện | | | | 0,0 |
| 3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học | | | |  | 2,0 |  |
| - Vận dụng hiệu quả | | | | 2,0 |
| - Có vận dụng | | | | 1,0 |
| - Không vận dụng | | | | 0,0 |
| 4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục | | | |  | 2,0 |  |
| - Có đánh giá chính xác | | | | 2,0 |
| - Có đánh giá c | | | | 1,0 |
| - Không đánh giá | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 8: Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập** | | | |  | **4,0** |  |
| **1.** Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học. | | | |  | 2,0 |  |
| - Quản lý tốt | | | | 2,0 |
| - Có quản lý | | | | 1,0 |
| - Không quản lý | | | | 0,0 |
| **2.** Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. | | | |  | 2,0 |  |
| - Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. | | | | 2,0 |
| - Có xây dựng | | | | 1,0 |
| - Không xây dựng | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 9: Hoạt động xã hội** | | | |  | **4,0** |  |
| **1.** Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng động viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Phối hợp tốt | | | | 2,0 |
| - Có phối hợp | | | | 1,0 |
| - Không phối hợp | | | | 0,0 |
| **2.** Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động GDNN với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động GDNN, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội. | | | |  | 2,0 |  |
| - Tích cực tham gia | | | | 2,0 |
| - Có tham gia | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **TIÊU CHÍ 3: NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** | | | |  | **16,0** |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Học tập, bồi dưỡng nâng cao** | | | |  | **8,0** |  |
| 1.Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn | | | |  | 2,0 |  |
| - Tham gia đầy đủ các nội dung | | | | 2,0 |
| - Tham gia nhưng không đầy đủ | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| 2. Tham gia hội giảng các cấp | | | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | | | 2,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **3.** Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Thường xuyên tham gia | | | | 2,0 |
| - Có tham gia | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **4.** Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Thường xuyên tham gia | | | | 2,0 |
| - Có tham gia | | | | 1,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học** | | | |  | **4,0** |  |
| **1.** Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | | | 2,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **2.** Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp. | | | |  | 2,0 |  |
| - Có tham gia | | | | 2,0 |
| - Không tham gia | | | | 0,0 |
| **Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu khoa học** | | | |  | **4,0** |  |
| 1.Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ | | | |  | 2,0 |  |
| - Có kiến thức | | | | 2,0 |
| - Không có kiến thức | | | | 0,0 |
| 2.Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học | | | |  | 2,0 |  |
| - Hoàn thành từ 50% đến 100% định mức công việc NCKH | | | | 2,0 |
| - Hoàn thành dưới 50% định mức công việc NCKH | | | | 1,0 |
| - Không hoàn thành. | | | | 0,0 |
| **Tổng số điểm đánh giá tối đa:** | | | |  |  | 0 |
| **- Nhà giáo dạy lý thuyết** | | | | **84** |
| **- Nhà giáo dạy thực hành** | | | | **84** |
| **- Nhà giáo dạy tích hợp** | | | | **88** |
|  | | | |  |  |  |
| **Điểm quy đổi = Điểm đánh giá/điểm tối đa \*100** | | | |  |  |  |
|  | | | |  |  |  |
| **Điểm quy đổi =** | | | |  | | |
|  | | | |  |  |  |
|  | | | |  |  |  |
| ***Thư ký HĐ đánh giá cấp Bộ môn*** | | | | ***Chủ tịch HĐ đánh giá cấp BM*** | | |
| (Kí và ghi rõ họ tên) | | | |  | (Kí và ghi rõ họ tên) |  |
|  | | | |  |  |  |
|  | |  | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mẫu số 02** | |  |  |  | BM06/QT42- CĐYT | | | |
| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | | | | |
| **BỘ MÔN** | | | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | | |
| **PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI** | | | | | | | | |
| **CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO CỦA BỘ MÔN NĂM HỌC…..** | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TT | **Họ và tên nhà giáo** | **Cấp trình độ giảng dạy (TC, CĐ)** | **Nhiệm vụ giảng dạy (LT, ThH, TH)** | **Tự đánh giá, xếp loại của nhà giáo** | | **Đánh giá, xếp loại của bộ môn** | | **Ghi chú** |
| **Điểm quy đổi** | **Xếp loại** | **Điểm quy đổi** | **Xếp loại** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| \* Ghi chú: - Nhiệm vụ giảng dạy: LT – Dạy lý thuyết; ThH – Dạy thực hành; TH – Dạy tích hợp - Nhà giáo đạt chuẩn loại A, loại B, loại C (ghi xếp loại tương ứng là A, B, C). Nhà giáo không đạt chuẩn (ghi xếp loại là KĐ) | | | | | | | | |
|  | *Hà Nội, ngày……. tháng…… năm……* | | | | | | | |
|  |  |  |  |  | **Trưởng Bộ môn** | | | |
|  |  |  |  |  | *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | BM07/QT42- CĐYT |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO NĂM HỌC …………..**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên nhà giáo** | **Cấp trình độ giảng dạy (SC, TC, CĐ)** | **Nhiệm vụ giảng dạy (LT, ThH, TH)** | **Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo** | | | **Ghi chú** |
| **Tự đánh giá, xếp loại nhà giáo** | **Đánh giá, xếp loại nhà giáo của bộ môn** | **Đánh giá, xếp loại nhà giáo của Hiệu trưởng** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

\* Ghi chú:

- Nhiệm vụ giảng dạy: LT – Dạy lý thuyết; ThH – Dạy thực hành; TH – Dạy tích hợp

- Nhà giáo đạt chuẩn loại A, loại B, loại C (ghi xếp loại tương ứng là A, B, C). Nhà giáo không đạt chuẩn (ghi xếp loại là KĐ)

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày……. tháng…… năm……* **HIỆU TRƯỞNG** *(Ký tên và đóng dấu)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | BM08/QT42- CĐYT | | |
| UỶ BAN NHÂN DÂN TP HÀ NỘI  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
|  | | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO**

**VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

**NĂM HỌC …………..**

**Kính gửi**: …………………………………………………………..

**I. Báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)***

Tổng số nhà giáo: …………………………………………..Trong đó:

-Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:………………..; Loại B:………………..; Loại C:...................

- Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:...............................................................................................

**II. Các giải pháp về động viên, khuyến khích nhà giáo đạt chuẩn loại A, B** (nếu có)

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

**III. Các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo** (nếu có)

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày ……. tháng……. năm……..* **HIỆU TRƯỞNG** *(Ký tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Báo cáo số………./BC-CĐYT ngày……./……/……*

*của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hà Đông*

*về việc báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên**  **nhà giáo** | **Đạt chuẩn** | | | | | | | | | | **Chưa đạt chuẩn** | | | | |
| **Tổng số** | ***Dạy***  ***lý thuyết*** | | | ***Dạy***  ***thực hành*** | | | ***Dạy***  ***tích hợp*** | | | **Tổng số** | | ***Dạy***  ***lý thuyết (x)*** | ***Dạy thực hành (x)*** | ***Dạy tích hợp (x)*** |
| *A*  *(x)* | *B*  *(x)* | *C (x)* | *A*  *(x)* | *B*  *(x)* | *C*  *(x)* | *A (x)* | *B*  *(x)* | *C*  *(x)* |  |  | |  |  |
| **I** | **Dạy trình độ cao đẳng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **II** | **Dạy trình độ trung cấp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |